

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT QUÝ I NĂM 2011

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

STT	NỘI DUNG	SỐ DƯ ĐẦU KỲ	SỐ DƯ CUỐI KỲ
A	TÀI SẢN		
I	Tài sản ngắn hạn	265,481,180,791	285,434,886,593
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	22,936,221,124	24,328,286,687
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	48,579,707,000	52,672,882,000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	101,900,717,421	172,672,642,325
4	Hàng tồn kho	83,324,158,476	28,520,602,676
5	Tài sản ngắn hạn khác	8,740,376,770	7,240,472,905
II	Tài sản dài hạn	198,845,719,870	199,194,880,777
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	194,687,719,870	195,225,880,777
	- Tài sản cố định hữu hình	109,143,006,987	108,409,589,028
	- Tài sản cố định vô hình	20,367,220,797	20,234,090,733
	- Tài sản cố định thuê tài chính		0
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	65,177,492,086	66,582,201,016
3	Bất động sản đầu tư	0	0
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0	0
5	Tài sản dài hạn khác	4,158,000,000	3,969,000,000
	TỔNG TÀI SẢN	464,326,900,661	484,629,767,370
B	NGUỒN VỐN		
I	Nợ phải trả	107,101,332,751	130,712,785,458
1	Nợ ngắn hạn	101,427,192,400	124,917,310,546
2	Nợ dài hạn	5,674,140,351	5,795,474,912
II	Vốn chủ sở hữu	357,225,567,910	353,916,981,912
1	Vốn chủ sở hữu	357,225,567,910	353,916,981,912
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	141,206,280,000	141,206,280,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	138,228,344,134	138,228,344,134
	- Cổ phiếu quỹ	-14,946,154,700	-14,946,154,700
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0
	- Chênh lệch tỉ giá hối đoái	0	0
	- Các quỹ	40,547,283,030	40,547,283,030
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	34,958,380,103	31,388,020,891
	- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	0	0
	- Vốn khác	17,231,435,343	17,493,208,557
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác		
	TỔNG NGUỒN VỐN	464,326,900,661	484,629,767,370

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	CHỈ TIÊU	KỲ BÁO CÁO	LŨY KẾ
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,069,332,579,200	1,069,332,579,200
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung	1,069,332,579,200	1,069,332,579,200
4	Giá vốn hàng bán	1,027,184,245,976	1,027,184,245,976
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung	42,148,333,224	42,148,333,224
6	Doanh thu hoạt động đầu tư tài chính	1,224,599,179	1,224,599,179
7	Chi phí tài chính	2,647,082,224	2,647,082,224
8	Chi phí bán hàng	27,309,027,095	27,309,027,095
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1,874,490,433	1,874,490,433
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh	11,542,332,651	11,542,332,651
11	Thu nhập khác		
12	Chi phí khác		0
13	Lợi nhuận khác	0	0
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11,542,332,651	11,542,332,651
15	Thuê thu nhập doanh nghiệp	2,655,304,363	2,885,583,163
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh	8,887,028,288	8,656,749,488
17	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu	646	646
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN 1

Tp.HCM, ngày 22 tháng 4 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- TTCK, web COM;
- T/V HĐQT, Ban TGD;
- BKS;
- P.TV;
- Lưu VT.